

Đang Viên

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUẢNG OAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 493 /TB-UBND

Quảng Oai, ngày 30 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

**Niêm yết công khai Danh sách các hộ đề nghị hỗ trợ khôi phục sản xuất, bị
thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 5 (Kajiki) năm 2025**

Thực hiện Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của HĐND Thành phố về quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đến nay UBND xã Quảng Oai đã nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ khôi phục sản xuất do bị thiệt hại bão số 5 (Kajiki) năm 2025 của 35 thôn trên địa bàn; UBND xã Quảng Oai thông báo công khai danh sách các hộ đề nghị hỗ trợ khôi phục sản xuất, bị thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 5 (Kajiki) năm 2025 như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản bị ảnh hưởng do bão số 5 (Kajiki) gây ra trên địa bàn xã Quảng Oai đã đề nghị hỗ trợ khôi phục sản xuất.

2. Mức hỗ trợ: Theo quy định tại Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của HĐND Thành phố.

3. Thời gian công khai: Từ ngày 10/01/2026 đến 16/01/2026.

4. Địa điểm công khai:

- Tại trụ sở UBND xã Quảng Oai;
- Tại nhà văn hóa các thôn.
- Trên hệ thống truyền thanh, cổng thông tin điện tử của xã.

(Danh sách cụ thể: Đính kèm theo Thông báo này).

5. UBND xã Quảng Oai giao cho các cơ quan, đơn vị thực hiện như sau:

5.1. Phòng Kinh tế xã

- Phối hợp với các thôn có các hộ đề nghị hỗ trợ khôi phục sản xuất, bị thiệt hại do bão số 5 (Kajiki), lập biên bản niêm yết công khai danh sách các hộ đề nghị hỗ trợ;

- Tổng hợp và tham mưu giải quyết các ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết quả công khai số hộ, diện tích, kinh phí hỗ trợ các hộ bị thiệt hại do bão số 5 có đề nghị hỗ trợ trên địa bàn thôn; báo cáo UBND xã để kịp thời xử lý theo quy định.



5.2. Văn phòng HĐND, UBND xã

- Thực hiện việc dán niêm yết công khai trên bảng tin tại UBND xã;
- Công khai danh sách các hộ đề nghị hỗ trợ khôi phục sản xuất, bị thiệt hại do ảnh hưởng bão số 5 (Kajiki) trên trang thông tin điện tử của xã;
- Tổng hợp ý kiến phản ánh, góp ý của tổ chức, cá nhân qua hòm thư góp ý, các trang tin điện tử của xã (nếu có), báo cáo UBND xã qua phòng Kinh tế để xem xét giải quyết theo quy định.

5.3. Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao

Thực hiện phát thông báo công khai Bảng tổng hợp danh sách các thôn có đề nghị hỗ trợ khôi phục sản xuất, bị thiệt hại do ảnh hưởng bão số 5 (Kajiki). Thời lượng phát tin 02 lần/ ngày trong thời gian niêm yết công khai.

(Danh sách cụ thể: Đính kèm theo Thông báo này).

5.4. Các thôn có diện tích bị thiệt hại do thiên tai

- Thực hiện việc dán và bảo vệ danh sách các hộ đề nghị hỗ trợ khôi phục sản xuất, bị thiệt hại do ảnh hưởng cơn bão số 5 (Kajiki) năm 2025 niêm yết tại bảng tin nhà văn hóa thôn.

- Tổng hợp các ý kiến thắc mắc, khiếu nại của người dân về kết quả tổng hợp số hộ, diện tích bị thiệt hại do bão số 5 trên địa bàn thôn, gửi báo cáo kết quả về phòng Kinh tế để kịp thời xử lý theo quy định.

Trong thời hạn công khai 07 ngày như trên mọi ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết quả tổng hợp về số hộ, diện tích, kinh phí của các hộ trên địa bàn thôn, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh, hoặc có văn bản gửi đến trưởng thôn. Trưởng thôn tổng hợp các ý kiến (nếu có) gửi phòng Kinh tế xã Quảng Oai để tổng hợp, xem xét giải quyết theo quy định.

Sau khi kết thúc công khai, mọi ý kiến thắc mắc, khiếu nại sẽ không được xem xét giải quyết theo quy định.

UBND xã Đề nghị các ngành, đơn vị và các thôn cùng toàn thể nhân dân trên địa bàn quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm VH TT và TT;
- Các thôn trên địa bàn;
- CVP, PCVP;
- Lưu: VT, KT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Kỳ Vũ

**DANH SÁCH CÁC HỘ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT
ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO CƠN BÃO SỐ 5 (KAJIKI) - THÔN ĐÔNG VIÊN
(Từ ngày 25-27/8/2025)**

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
						(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	(m2)	1.000 đ	
1	Trần Văn Mùi	X.Cụm 3	Quán họ	01	31					815				611	
2	Trần Văn Cây (Vũ)	X.Cụm 3	Quán họ	01	30					908				681	
3	Lê Văn Thông	X.Cụm 3	Quán họ	01	29					560				420	
4	Trần Văn Quý (Chít)	X.Cụm 2	Quán họ	01	28					380				285	
5	Trần Văn Viện	X.Chùa	Quán họ	01	27					610				458	
6	Trần Thị Minh (Tính)	X.Phố	Quán họ	01	26					542				407	
7	Lê Văn Ngọc	X.Cổng làng	Quán họ	01	25					160				120	
8	Lê Văn Huy (Vy)	X.Chùa	Quán họ	01	24					604				453	
9	Trần Lợi	X.Cổng làng	Quán họ	01	23					316				237	
10	Lê Anh Tuấn (Na)	X.Cụm 3	Quán họ	01	22					736				552	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
11	Trần Văn Cận	X.Cụm 3	Quán họ	01	21					1.053				790	
12	Nguyễn Văn Quang (Uyển)	X.Cụm 3	Quán họ	01	20					521				391	
13	Lê Văn Lợi (Vân)	X.Cụm 2	Quán họ	01	19					296				222	
14	Lê Văn Tuấn (Sử)	X.Phố	Quán họ	01	18					728				546	
15	Lê Giáp Ngọ	X.Cụm 3	Quán họ	01	17					404				303	
16	Vũ Văn Giang	X.Cụm 2	Quán họ	01	16					785				589	
17	Lê Thị Tươi (Lợi)	X.Gò voi	Quán họ	01	15					539				404	
18	Nguyễn Thị Phượng (Cát)	X.Cụm 3	Quán họ	01	14					550				413	
19	Lê Văn Cải	X.Cụm 2	Quán họ	01	13					780				585	
			Trở cầu	01	05					879				659	
20	Phùng Văn Huệ	X.Chùa	Quán họ	01	12					982				737	
21	Trần Văn Vịnh	X.Cụm 3	Quán họ	01	11					1.215				911	
22	Lê Văn Tuấn (Huyền)	X.Cụm 3	Quán họ	01	10c					429				322	
23	Lê Văn Khoa	X.Chùa	Quán họ 1	01	10b					214				161	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
24	Phan Ngọc Sách	X.Cụm 2	Quán họ	01	10a					392				294	
25	Trần Văn Huy (Đà)	X.Gò voi	Quán họ	01	9b					393				295	
26	Trần Văn Hợp (Đà)	X.Gò von	Quán họ	01	9a					393				295	
27	Nguyễn Việt Tiến (Lê)	X.Phố	Quán họ	01	8					765				574	
28	Trần Văn Khánh	X.Cụm 3	Quán họ	01	7					608				456	
29	Lê Văn Lan (Trang)	X.Chùa	Quán họ	01	6					660				495	
30	Phan Ngọc Thước	X.Đình	Quán họ 1	01	5					437				328	
31	Phan Thị Sinh	X.Chùa	Quán họ	01	4					389				292	
32	Lê Quang Chung (Côi)	X.Chùa	Quán họ	01	3					442				332	
33	Lê Tiến Thu	X.Phố	Quán họ	01	2					346				260	
34	Trần Quang Trường	X.Chùa	Quán họ 1	01	1					342				257	
35	Lê Thị Thắm	X.Gò voi	Quán họ 2	01	1a					296				222	
36	Phan Ngọc Tiến Kiêm	X.Thái Bình	Quán họ 2	01	1b					296				222	
37	Trần Thị Lý (Bích)	X.Cụm 2	Quán họ	01	2					681				511	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
38	Trần Văn Tuấn	X.Giữa	Quán họ	01	3					565				424	
39	Trần Văn Tích (Xinh)	X.Công làng	Quán họ	01	4					585				439	
40	Lê Xuân Lập (Liệu)	X.Phố	Quán họ	01	5					659				494	
41	Vũ Hồng Cự	X.Phố	Quán họ	01	6					789				592	
42	Hoàng Văn Tuyển	X.Ao	Quán họ	01	7					250				188	
43	Trần Thị Mai (Mình)	X.Giữa	Quán họ	01	8					468				351	
44	Trần Khắc Thùy (Chúc)	X.Công làng	Quán họ 2	01	9					335				251	
45	Nguyễn Đức Dậu	X.Phố	Quán họ 2	01	10					439				329	
46	Trần Văn Thắng (Oanh)	X.Phố	Quán họ 2	01	11					1.237				928	
47	Nguyễn Văn Chiến (Mình)		Quán họ 2	01	12					921				691	
48	Phan Thị Lý	X.Công làng	Quán họ 2	01	13					724				543	
49	Quách Thị Lương	X.Ao	Quán họ	01	14					581				436	
50	Vũ Đình Hưng	X.Giữa	Quán họ	01	15					625				469	
51	Lê Văn Chi	X.Công làng	Quán họ	01	16					775				581	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
52	Trần Văn Vinh	X.Giữa	Quán họ	01	17					460				345	
53	Trần Văn Lưu	X.Giữa	Quán họ	01	18					722				542	
54	Trần Thị Mùi	X.Công làng	Quán họ	01	19					600				450	
55	Phan Văn Long (Mẫu)	X.Ao	Quán họ	01	20					1.074				806	
56	Lê Văn Tuấn (Thắng)	X.	Quán họ	01	21					974				731	
57	Nguyễn Văn Trị	X.Trung tâm	Quán họ	01	22					350				263	
58	Trần Văn Nguyên	X.Phố	Quán họ	01	23					839				629	
59	Phan Văn Hòa (Vui)	X.Ao	Quán họ	01	24					864				648	
60	Lê Văn Hợp	X.Gò voi	Quán họ	01	25					479				359	
61	Vũ Văn Tân (Hồng)	X.Trung tâm	Quán họ	01	26					120				90	
62	Vũ Văn Kế	X.Giữa	Quán họ	01	27					535				401	
63	Vũ Dũng Phước (Cầm)	X.Trung tâm	Quán họ	01	28					735				551	
64	Trần Văn Tuất	Đông Viên	Đông cát	02	4					429				322	
65	Trần Văn Lan	Đông Viên	Đông cát	02	5					356				267	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
66	Trần Văn Lưu	Đông Viên	Đồng cát	02	6					433				325	
67	Trần Ngọc Quang	Đông Viên	Đồng cát	02	7					345				259	
68	Nguyễn Văn Ngọc	Đông Viên	Đồng cát	02	8					415				311	
69	Lê Văn Long	Đông Viên	Đồng cát	02	9					174				131	
70	Trần Thị Nhân (Dũng)	Đông Viên	Đồng cát	02	10					352				264	
71	Trần Thị Thuộc	X.Phố	Đồng cát	02	11					284				213	
72	Trần Thị Hải	Đông Viên	Đồng cát	02	12					251				188	
73	Phạm Thế Minh (Sinh)	X.Phố	Đồng cát	02	13					558				419	
74	Vũ Văn Tuấn	Đông Viên	Đồng cát	02	14b					434				326	
75	Nguyễn Văn Chiến (Minh)	Đông Viên	Đồng cát	02	14a					728				546	
76	Đỗ Thị Quý (Vinh)	X.Chùa	Đồng cát	02	15					645				484	
77	Trần Thị Hòa	Đông Viên	Đồng cát	02	16					1.424				1.068	
78	Lê Văn Hiền (Đáy)	Đông Viên	Đồng cát	02	17b					337				253	
79	Lê Văn Long (Sang)	Đông Viên	Đồng cát	02	17a					220				165	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
80	Trần Văn Tiến	Đông Viên	Đồng cát	02	18					257				193	
81	Trần Văn Khuyến	Đông Viên	Đồng cát	02	19					1.063				797	
82	Lê Văn Lập (Soạt)	Đông Viên	Đồng cát	02	20					631				473	
83	Trần Ngọc Lê	X.Ao	Đồng cát	02	21					600				450	
84	Trần Văn Đước (Tuyên)	Đông Viên	Đồng cát	02	22					272				204	
85	Hoàng Văn Thắng	X.Ao	Đồng cát	02	23					387				290	
86	Trần Thị Hồng	X.Ao	Đồng cát	02	24					372				279	
87	Trần Xuân Long	Đông viên	Đồng cát	02	25					814				611	
88	Trần Khắc Chinh	Đông viên	Đồng cát	02	26					507				380	
89	Đỗ Thị Lan	Đông viên	Đồng cát	02	27					680				510	
90	Trần Thị Mai (Minh)	Đông viên	Đồng cát	02	28					490				368	
91	Đặng Thị Lợi	X.Đình	Đồng cát	02	29					101				76	
92	Đặng Thị Nguyệt	X.Chùa	Đồng cát	02	30					120				90	
93	Đỗ Thị Tuyết (Thu)	Đông Viên	Đồng Kiêng	02	01B					369				277	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
94	Đỗ Văn Thu	Đông Viên	Đông Rũ, Đông Kiêng	2	10, 01A					1.335				1.001	
95	Nguyễn Thị Lý	Cao Cương	Đông Kiêng	2	2					404				303	
96	Vũ Văn Châm	Đông Viên	Đông Kiêng	2	3					369				277	
97	Vũ Thị Thành	Đông Viên	Đông Hoàng, Đông Kiêng	2	14, 5					1.430				1.073	
98	Nguyễn Tiến Trinh (Phúc)	Đông Viên	Đông Rũ, Đông Kiêng	2	5, 4					613				460	
99	Nguyễn Văn Ngó	Đông Viên	Đông Kiêng	2	6					978				734	
100	Đỗ Văn Thanh	Đông Viên	Đông Kiêng	2	7A					708				531	
101	Lê Văn Tuấn (Toan)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	7B					284				213	
102	Vũ Xuân Thanh	Đông Viên	Đông Kiêng	2	8					733				550	
103	Vũ Văn Hồng (Khu)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	9					346				260	
104	Nguyễn Quang Chung (Chấn)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	10					609				457	
105	Phan Đức Hạnh	Đông Viên	Đông Kiêng	2	11					335				251	
106	Trần Văn Phúc (Thoa)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	12					334				251	
107	Nguyễn Thị Hạnh (Thái)	Đông Viên	Đình Hoàng, Đông Kiêng	2	16, 13					1.466				1.100	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
108	Trần Văn Vinh (Thắm)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	14					334				251	
109	Phan Minh Phúc (Chấn)	Đông Viên	Đồng Kiêng, Đồng rữ	2	01, 15					1.554				1.166	
110	Phan Văn Luận (Chiến)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	16					665				499	
111	Phan Văn Thụ	Đông Viên	Đồng Kiêng, Đồng rữ	2	7, 17					1.708				1.281	
112	Nguyễn Thị Hợp (Cầu)	Đông Viên	Đình Hoàng, Đồng kiêng	2	11, 18					1.517				1.138	
113	Đỗ Ngọc Thom	Đông Viên	Đồng kiêng	2	19					838				629	
114	Phan Thị La	Đông Viên	Đồng kiêng	2	20					346				260	
115	Phan Thanh Giảng	Đông Viên	Đồng kiêng	2	21					838				629	
116	Trần Văn Vinh (Huyền)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	23					346				260	
117	Đỗ Văn Quý	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	22					927				695	
118	Đỗ Phi Trường	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	24					269				202	
119	Phan Văn Đoàn	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	25					819				614	
120	Phan Văn Toàn	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	26					1.044				783	
121	Nguyễn Xuân Thuật (Phúc)	Đông Viên	Đình Hoàng, Đồng kiêng	2	10, 27					1.053				790	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích			Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú	
						Lúa	Cây hàng năm khác			Lúa	Cây hàng năm khác				
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)			Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
122	Phan Hồng Phương	Đông Viên	Đình Hoàng, Đồng Kiêng	2	18, 28					1.594				1.196	
123	Vũ Văn Tuấn (Hạnh)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	36					692				519	
124	Đỗ Văn Bình	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	35					838				629	
125	Phan Văn Thảo	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	34					738				554	
126	Phan Bá Dậu	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	33					1.081				811	
127	Đỗ Văn Kiều	Đông Viên	Đồng Rũ, Đồng Kiêng	2	4, 32					1.631				1.223	
128	Nguyễn Tiến Thái	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	31					504				378	
129	Phan Hồng Thu	Đông Viên	Đình Hoàng, Đồng Kiêng	2	7, 10					1.131				848	
130	Phan Cát Cẩn	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	29					1.032				774	
131	Trần Ngọc Chi	Đông Viên	Trở Cầu	1	30					498				374	
132	Trần Quang Ngọc	Đông Viên	Trở Cầu	1	31					846				635	
133	Trần Văn Phúc (Thoa)	Đông Viên	Trở Cầu	1	29					546				410	
134	Vũ Ngọc Bách	Đông Viên	Trở Cầu	1	28B					465				349	
135	Phan Văn Uẩn	Đông Viên	Trở Cầu	1	28A					638				479	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
136	Phan Văn Chát	Đông Viên	Trở Cầu	1	27					522				392	
137	Nguyễn Văn Hân (Hoa)	Đông Viên	Trở Cầu	1	26					315				236	
138	Trần Quang Nguru	Đông Viên	Trở Cầu	1	25					699				524	
139	Trần Văn Tới	Đông Viên	Trở Cầu	1	24B					335				251	
140	Trần Văn Tiến	Đông Viên	Trở Cầu	1	24A					336				252	
141	Lê Văn Đường (Tiến)	Đông Viên	Trở Cầu	1	23					134				101	
142	Trần Văn Lộc (Xuân)	Đông Viên	Trở Cầu	1	22					858				644	
143	Phạm Văn Hội	Đông Viên	Trở Cầu	1	21					629				472	
144	Trần Thị Khiển	Đông Viên	Trở Cầu	1	20					547				410	
145	Trần Ngọc Khanh (Đông Bính)	Đông Viên	Trở Cầu	1	19 ABC					873				655	
146	Phan Thị Lý	Đông Viên	Trở Cầu	1	18					700				525	
147	Trần Văn Cường	Đông Viên	Trở Cầu	1	17C					188				141	
148	Trần Khắc Thùy	Đông Viên	Trở Cầu	1	17B					374				281	
149	Trần Ngọc Lê	Đông Viên	Trở Cầu	1	17A					374				281	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
150	Nguyễn Văn Ngọc	Đông Viên	Trở Cầu	1	16					498				374	
151	Trần Xuân Long	Đông Viên	Trở Cầu	1	15					919				689	
152	Lê Văn Hiền (Đáy)	Đông Viên	Trở Cầu	1	14					529				397	
153	Trần Đạo Lễ (Sinh)	Đông Viên	Trở Cầu	1	13					1.076				807	
154	Nguyễn Thị Tư	Đông Viên	Trở Cầu	1	12					348				261	
155	Lê Văn Chư (Vay)	Đông Viên	Trở Cầu	1	11					676				507	
156	Trần Văn Định (Tân)	Đông Viên	Trở Cầu	1	10A					223				167	
157	Trần Thị Hợi (Tân)	Đông Viên	Trở Cầu	1	10B					223				167	
158	Trần Văn Dũng (Cận)	Đông Viên	Trở Cầu	1	9					893				670	
159	Nguyễn Thị Hà (Du)	Đông Viên	Trở Cầu	1	8					545				409	
160	Nguyễn Văn Tuấn (Xuân)	Đông Viên	Trở Cầu	1	7					754				566	
161	Vũ Văn Đa	Đông Viên	Trở Cầu	1	6					356				267	
162	Lê Văn Tuấn (Xuyên)	Đông Viên	Trở Cầu	1	4					794				596	
163	Trần Văn Hùng (Định)	Đông Viên	Trở Cầu	1	3					394				296	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
164	Trần Quang Tuấn	Đông Viên	Trở Cầu	1	2					457				343	
165	Trần Duy Tân	Đông Viên	Trở Cầu	1	1A					372				279	
166	Trần Quốc Thắng	Đông Viên	Trở Cầu	1	01					303				227	
167	Trần Ngọc Cương	Đông Viên	Đồng Ta	2	01					288				216	
168	Phan Hồng Phương	Đông Viên	Đồng Ta	2	2					230				173	
169	Trần Đức Tiến	Đông Viên	Đồng Ta	2	3					573				430	
170	Nguyễn Văn Thái	Đông Viên	Đồng Ta	2	4					349				262	
171	Phùng Văn Huệ	Đông Viên	Đồng Ta	2	5					467				350	
172	Phùng Văn Bính	Đông Viên	Đồng Ta	2	6					599				449	
173	Nguyễn Trường Xuân	Đông Viên	Đồng Ta	2	7					415				311	
174	Trần Văn Định (Tân)	Đông Viên	Đồng Ta	2	8					347				260	
175	Trần Thị Mừng	Đông Viên	Đồng Ta	2	9					403				302	
176	Trần Văn Nghị	Đông Viên	Đồng Ta	2	10					825				619	
177	Phan Ngọc Thắng	Đông Viên	Đồng Ta	2	12					640				480	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
178	Lê Văn Minh	Đông Viên	Đông Ta	2	13					240				180	
179	Nguyễn Văn Cương	Đông Viên	Đông Ta	2	14					250				188	
180	Lê Văn Thông	Đông Viên	Đông Ta	2	15					213				160	
181	Lê Văn Lợi (Chuyên)	Đông Viên	Đông Ta	2	16					212				159	
182	Phan Văn Cường (Kiên)	Đông Viên	Đông Ta	2	17					456				342	
183	Lê Văn Khoa	Đông Viên	Đông Ta	2	19					498				374	
184	Lê Văn Định	Đông Viên	Đông Ta	2	21					407				305	
185	Lê Giáp Ngọ	Đông Viên	Đông Ta	2	20					332				249	
186	Lê Văn Lợi (Vân)	Đông Viên	Đông Ta	2	22					430				323	
187	Trần Văn Trường	Đông Viên	Đông Ta	2	23					395				296	
188	Lê Văn Đức	Đông Viên	Đông Ta	2	24					240				180	
189	Trần Văn Được (Tuyên)	Đông Viên	Đông Ta	2	25					266				200	
190	Trần Văn Nguyên	Đông Viên	Đông Ta	2	26					358				269	
191	Trần Văn Quế	Đông Viên	Đông Ta	2	27					350				263	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
206	Trần Khắc Thùy	Đông Viên	Đồng Sắn	7	294,188					856				642	
207	Trần Văn Sinh	Đông Viên	Đồng Sắn	7	319					640				480	
208	Trần Thị Lý (Tân)	Đông Viên	Đồng Sắn	7	314					340				255	
209	Vũ Thị Nhâm	Đông Viên	Đồng Sắn	7	86					274				206	
210	Trần Văn Thành	Đông Viên	Đồng Sắn	7	143					384				288	
211	Trần Thị Xuân	Đông Viên	Đồng Sắn	7	85					290				218	
212	Trần Văn Quân	Đông Viên	Đồng Sắn	7	292					362				272	
213	Lê Văn Soạt	Đông Viên	Đồng Sắn	7	251					448				336	
214	Trần Văn Thuýnh	Đông Viên	Đồng Sắn	7	146					182				137	
215	Lê Văn Đường (Tiền)	Đông Viên	Đồng Sắn	7	312					148				111	
216	Trần Xuân Trường (Luận)	Đông Viên	Đồng Sắn	7	186					436				327	
217	Phạm Quốc Hội	Đông Viên	Đồng Sắn	7	200					232				174	
218	Phan Thị Lý	Đông Viên	Đồng Sắn	7	129					260				195	
219	Trần Thị Hồng	Đông Viên	Đồng Sắn	7	373					348				261	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
220	Trần Văn Ân	Đông Viên	Đông Sắn	7	235					492				369	
221	Trần Văn Phúc (Thoa)	Đông Viên	Đông Sắn	7	90					220				165	
222	Đỗ Duy Đức	Đông Viên	Đông Sắn	7	292					361				271	
223	Trần Văn Liệu	Đông Viên	Đông Sắn	7	313					208				156	
224	Trần Văn Tích (Xinh)	Đông Viên	Đông Sắn	7	250					312				234	
225	Đỗ Thị Sinh (Tân)	Đông Viên	Đông Sắn	7	372					281				211	
226	Trần Văn Lan	Cụm 2	Đông Sắn, Đông Chua	7, 3	88, 553,					924				693	
227	Trần Thị Thủy	Cụm 2	Cai Tu, Đông Chua	7, 3	484, 394	732				360				1.368	
228	Lê Xuân Cải	Cụm 2	Đông Chua	3	483					196				147	
229	Vũ Hồng Cẩm	Cụm 2	Đông Chua	3	390					424				318	
230	Trần Văn Hợp (Đà)	Cụm 2	Đông Chua	3	555					444				333	
231	Nguyễn Đức Dậu (Sang)	Cụm 2	Đông Chua	3	338					234				176	
232	Nguyễn Văn Toàn	Cụm 2	Đông Sắn	7	318					370				278	
233	Trần Thị Hải	Cụm 2	Đông Sắn, Đông Chua	7, 3	202, 147,					1.140				855	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
234	Vũ Đình Hưng	Cụm 2	Đồng Chua	3	486					209				157	
235	Vũ Hồng Kế	Cụm 2	Đồng Chua	3	393					571				428	
236	Lê Văn Dũng	Cụm 2	Đồng Chua	3	558					144				108	
237	Trần Văn Lợi	Cụm 2	Đồng Sắn, Đồng Chua	7, 3	201, 559					768				576	
238	Trần Quốc Thắng	Cụm 2	Đồng Chua	3	550					173				130	
239	Lê Văn Thủ	Cụm 2	Đồng Chua	3	396					296				222	
240	Lê Văn Long (Sang)	Cụm 2	Đồng Chua	3	337					217				163	
241	Quách Thị Lương	Cụm 2	Đồng Sắn, Đồng Chua	7, 3	292, 65,					1.038				779	
242	Lê Văn Tuấn	Cụm 2	Đồng Sắn, Đồng Chua	7, 3	236, 374,					1.014				761	
243	Trần Văn Lộc (Xuân)	Cụm 2	Đồng Sắn, Đồng Chua	7, 3	340, 237					973				730	
244	Trần Thị Mùi	Cụm 2	Đồng Sắn, Đồng Chua,	3, 7	482, 144,	324				716				1.023	
245	Nguyễn Văn Ngọc (Mai)	Cụm 2	Đồng Chua	3	394					306				230	
246	Nguyễn Thị Tư	Cụm 2	Đồng Chua, Đồng Sắn	7, 3	547, 295,					950				713	
247	Trần Văn Lưu	Cụm 2	Đồng Chua	3	553					148				111	



STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
248	Vũ Văn Đa	Cụm 2	Đông Chua, Đông Sắn	7, 3	552, 89					585				439	
249	Trần Văn Lễ (Dần)	Cụm 2	Đông Chua, Đông Sắn	7, 3	389, 492,					799				599	
250	Phan Văn Vê	Cụm 2	Đông Chua, Đông Sắn	7, 3	187, 391					796				597	
251	Hoàng Văn Tuyển	Cụm 2	Đông Chua	3	392					517				388	
252	Trần Ngọc Chi	Cụm 2	Đông Sắn, Đông Chua	7, 3	145, 392					960				720	
253	Vũ Văn Tuấn	Cụm 2	Đông Chua	3	484					302				227	
254	Nguyễn Văn Đức (Phúc)	Cụm 3	Vệ Máng	6	139					516				387	
255	Lê Văn Đức (Phúc)	Cụm 3	Vệ Máng	6	153					280				210	
256	Phan Văn Định (Phúc)	Cụm 3	Vệ Máng	6	174					120				90	
257	Phùng Văn Đề (Phúc)	Quang Húc	Vệ Máng	6	190					620				465	
258	Trần Tiến Đà (Phúc)	Cụm 4	Vệ Máng	6	208					288				216	
259	Phan Văn Thắng (Phúc)	Cụm 4	Vệ Máng	6	136					222				167	
260	Phan Văn Bảy	Cụm 2	Vệ Máng	6	191					484				363	
261	Phan Minh Phúc (Đà)	Cụm 4	Nghĩa Trang	6	618					472				354	

21/10/2017

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
262	Đỗ Danh Dự	Đông Viên	Đình Hoàng	2	19					408				306	
263	Phan Duy Thanh	Đông Viên	Đình Hoàng	2	16					702				527	
264	Phan Văn Mùi	Đông Viên	Đình Hoàng	2	15A					582				437	
265	Vũ Văn Triệu	Đông Viên	Đình Hoàng	2	15B					300				225	
266	Phan Văn Ban (Thìn)	Đông Viên	Đình Hoàng	2	13					991				743	
268	Phan Hùng Cường (Đào)	Đông Viên	Đình Hoàng	2	9					346				260	
269	Phan Văn Hải	Đông Viên	Đình Hoàng	2	8					303				227	
270	Đỗ Văn Mịch	Đông Viên	Đình Hoàng	2	6					881				661	
271	Đỗ Thị Mai	Đông Viên	Đình Hoàng	2	5					712				534	
272	Đỗ Thị Hồng (Đặng)	Đông Viên	Đình Hoàng	2	4					781				586	
273	Phan Thị Hằng	Đông Viên	Đình Hoàng	2	3					206				155	
274	Trần Thị Ninh	Đông Viên	Đình Hoàng	2	2					300				225	
275	Phan Văn Bằng	Đông Viên	Đình Hoàng	2	1					377				283	
276	Phan Hồng Phương	Đông Viên	Đông Rũ	2	9					772				579	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
291	Chu Thị Hiệp	Đông Viên	Đông Rũ	2	6					469				352	
292	Phan Văn Nghĩa (Viết)	Đông Viên	Đông Rũ	2	7					747				560	
293	Phan Mạnh Cường	Đông Viên	Đông Rũ	2	8					517				388	
294	Đỗ Xuân Ngộ	Đông Viên	Đông Rũ	2	11					500				375	
295	Nguyễn Văn Ngó	Đông Viên	Đông Rũ	2	16					440				330	
296	Phan Văn Đê	Cụm 4	Đông Sông	7	28					274				206	
297	Phan Văn Lợi	Cụm 1	Đông Sông	7	179					296				222	
298	Đỗ Văn Hoa (Độ)	Cụm 4	Đông Sông	7	252					297				223	
299	Đỗ Danh Dự	Cụm 4	Đông Sông	7	153					227				170	
300	Phan Ngọc Vân	Cụm 4	Đông Sông	7	151					294				221	
301	Phan Hồng Sinh	Cụm 4	Đông Sông	7	152					268				201	
302	Phan Văn Đước	Cụm 3	Đông Sông	7	588					390				293	
303	Vũ Văn Chung	Cụm 1	Nghĩa Trang	6	573, 619					730				548	
304	Phan Văn Chương	Cụm 4	Đông Sông	7	108, 279					791				593	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
305	Phan Văn Ký	Cụm 4	Đồng Sông	7	97					174				131	
306	Phan Ngọc Long	Cụm 4	Đồng Sông	7	127					178				134	
307	Phan Thị Loan (Luân)	Cụm 4	Đồng Sông	7	125					288				216	
308	Phan Đình Cận	Cụm 4	Đồng Sông	7	99					360				270	
309	Nguyễn Văn Ngó	Cụm 5	Đồng Sông, Nghĩa Trang	7, 6	149, 507					398				299	
310	Phan Thanh Giảng	Cụm 4	Đồng Sông	7	228					192				144	
311	Phạm Bá Nhân	Cụm 4	Đồng Sông	7	281					117				88	
312	Đỗ Văn Chiêu	Cụm 5	Đồng Sông	7	183					210				158	
313	Lê Văn Thành	Cụm 4	Đồng Sông	7	99					222				167	
314	Đỗ Văn Nguyễn	Cụm 1	Đồng Sông, Nghĩa Trang	7, 6	203, 470					992				744	
315	Phan Văn Thắng (Phúc)	Cụm 4	Đồng Sông	7	180					272				204	
316	Đặng Đình Tiến	Cụm 3	Đồng Sông, Đồng Chùa	7, 3	100, 489					691				518	
317	Trần Thị Tình (Luận)	Cụm 1	Đồng Sông, Nghĩa Trang	6, 7	574, 94,					1.227				920	
318	Phan Gia Thư	Cụm 1	Đồng Sông	7						597				448	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
319	Trần Văn Cách	Cụm 2	Đồng Sản	7	296					612				459	
320	Phan Văn Lê	Cụm 4	Đồng Sông	7	98					240				180	
321	Phan Văn Quang	Cụm 4	Đồng Sông	7	226					254				191	
322	Nguyễn Hồng Kỳ	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	40					1.327				995	
323	Phạm Thị Tình (Thuận)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	39					538				404	
324	Vũ Duy Đức (vân)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	38					346				260	
325	Phan Văn Sỹ (Phúc)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	37					1.152				864	
326	Đỗ Hồng Thu	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	35					619				464	
327	Phùng Văn Tập (Phúc)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	34					1.141				856	
328	Phan Văn Dân	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	33					950				713	
329	Phan Văn Tám	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	32					633				475	
330	Nguyễn Thị Nhâm	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	31					307				230	
331	Nguyễn Văn Thuận	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	30					1.125				844	
332	Đỗ Khắc Luận	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	29					842				632	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
333	Vũ Thị Dung (Hồng)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	28					500				375	
334	Vũ Văn Vinh (Liên)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	27					921				691	
335	Phan Văn Tiến (Thuận)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	26					831				623	
336	Phan Văn Hạnh	Đông Viên	Đông Kiêng	2	25					446				335	
337	Phan Văn Quang (Luận)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	24					450				338	
338	Phan Thị Nghĩa	Đông Viên	Đông Kiêng	2	23					374				281	
339	Phan Văn Thắng (Phúc)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	22					450				338	
340	Phan Văn Luân	Đông Viên	Đông Kiêng	2	21					278				209	
341	Vũ Văn Triệu	Đông Viên	Đông Kiêng	2	20, 36					814				611	
342	Lê Văn Huy (Vy)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	19B					369				277	
343	Phan Đình Cận	Đông Viên	Đông Kiêng	2	19A					863				647	
344	Đỗ Văn Dũng	Đông Viên	Đông Kiêng	2	18					738				554	
345	Phan Lê Khuyển (Thanh)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	17					558				419	
346	Đỗ Danh Dự (Quế)	Đông Viên	Đông Kiêng	2	16					400				300	



STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú
						Lúa		Cây hàng năm khác		Lúa		Cây hàng năm khác			
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		
347	Lê Văn Thành (Thanh)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	15					1.491				1.118	
348	Đỗ Văn Hoa (Độ - Lùng)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	14					420				315	
349	Phan Văn Tuyển (Chấn)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	13					826				620	
350	Phan Hồng Sinh	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	12					931				698	
351	Phan Ngọc Quý	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	11					570				428	
352	Phan Hoài Anh (Lùng)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	10					454				341	
353	Phan Văn Thụ	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	9					615				461	
354	Phan Thị Mai	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	8					781				586	
355	Vũ Văn Thanh (Phương)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	7					888				666	
356	Đỗ Khắc Lập	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	5					1.185				889	
357	Thích Đàm Sâm	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	3					504				378	
358	Phan Văn Đê	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	4					680				510	
359	Phan Thị Vân (Nhàn)	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	2					729				547	
360	Vũ Văn Châm	Đông Viên	Đồng Kiêng	2	1					665				499	

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ	Xứ đồng	Số tờ	Số thửa	Thiệt hại trên 70% diện tích			Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích				KP đề nghị hỗ trợ	Ghi chú	
						Lúa	Cây hàng năm khác			Lúa	Cây hàng năm khác				
						Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)			Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)
361	Phan Văn Chương (Sang)	Đông Viên	Đông Kiêng	2						827				620	
Tổng						1.364	0	0	0	199.713	0	0	0	151.886	